

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 89/2020 HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2020
V/v tranh chấp xin ly hôn,
Nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Cao Châu Tiếp**.

2/ Bà: **Lý Thị Bé Năm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thanh An** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Kim A**, sinh năm 1997. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã K, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Kim A trình bày:* Do quen biết trước chị Lê Thị Kim A và anh Nguyễn Thanh T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 10 năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, theo giấy chứng nhận kết hôn số 106, ngày 17 tháng 10 năm 2019. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc được khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống về vấn đề tiền bạc, anh T không lo làm ăn để lo cho vợ con; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Nay chị A yêu cầu xin được ly hôn với anh T vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn, nên đoàn tụ lại sống chung không hạnh phúc.

- Về con chung: 01 con tên Lê Hoàng M, sinh ngày 13/01/2020, hiện cháu M đang sống chung với chị A từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nếu ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh T dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thanh T. Xét thấy, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn anh T.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Xét thấy, Do quen biết trước chị Lê Thị Kim A và anh Nguyễn Thanh T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 10 năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, theo giấy chứng nhận kết hôn số 106, ngày 17 tháng 10 năm 2019 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc được khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống về vấn đề tiền bạc, anh T không lo làm ăn để lo cho vợ con; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, chị A vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh T, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Phía anh T thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập phía anh T nhiều lần đến để hòa giải về việc chị A xin ly hôn với anh T. Nếu như về tình cảm vợ chồng, anh T muốn vợ chồng đoàn tụ lại thì anh T phải đến Tòa án để gặp chị A, để hòa giải về tình cảm vợ chồng xem có khả năng đoàn tụ hàn gắn lại được hay không nhưng phía anh T không đến, thể hiện anh T không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với chị A. Ngoài ra, anh T và chị A sau khi về sống chung với nhau chỉ được một thời gian ngắn khoảng 3 tháng thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị A không có và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A và cho chị Lê Thị Kim A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

[4] Về con chung: 01 con tên Lê Hoàng M, sinh ngày 13/01/2020, hiện cháu M đang sống chung với chị A từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nếu ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu M do chị A nuôi dưỡng từ khi anh T và chị A ly thân với nhau cho đến nay đã ổn định về mọi mặt. Hơn nữa, cháu M chưa được 01 tuổi nên cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ là rất cần thiết; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ giao cháu Lê Hoàng M

cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do phía chị A chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này chị A có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị A được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị A không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh T thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này anh T cho rằng vợ chồng có tài sản chung và nợ chung mà hai bên không thỏa thuận được với nhau và có tranh chấp thì có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim A. Cho chị Lê Thị Kim A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Hoàng M, sinh ngày 13/01/2020 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do phía chị A chưa có yêu cầu; anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu số 0000583 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên chị A đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Nguyễn Thanh T thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Phan Thanh Sơn